

Hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam trước tác động của chính sách tiền tệ

PGS.TS. LÊ QUỐC LÝ

Vụ trưởng Vụ Tài chính - Tiền tệ
Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bàn đến vai trò của chính sách tiền tệ (CSTT) đối với hoạt động của các ngân hàng thương mại (NHTM) thì cần bàn đến rất nhiều mặt và góc cạnh khác nhau như CSTT thắt chặt với CSTT nới lỏng, chính sách lãi suất, chính sách tỷ giá, công cụ thị trường mở, dự trữ bắt buộc, tín phiếu ngân hàng, chính sách tín dụng, vấn đề xử lý nợ, các chính sách an toàn và an ninh hệ thống ngân hàng, chính sách giám sát, thanh tra... Với mỗi chính sách đặt ra sẽ tác động ngay đến kết quả và hiệu quả hoạt động của các NHTM. Bên cạnh bàn luận về mỗi chính sách đó cũng cần phải luận giải thêm những vấn đề này từ lý thuyết đến thực tiễn điều hành. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài báo này chúng tôi chỉ tập trung vào bàn một số vấn đề tổng quát nhất và đang trong thực tiễn điều hành hệ thống ngân hàng trong một vài năm qua.

Tình hình hoạt động của hệ thống ngân hàng ở nước ta

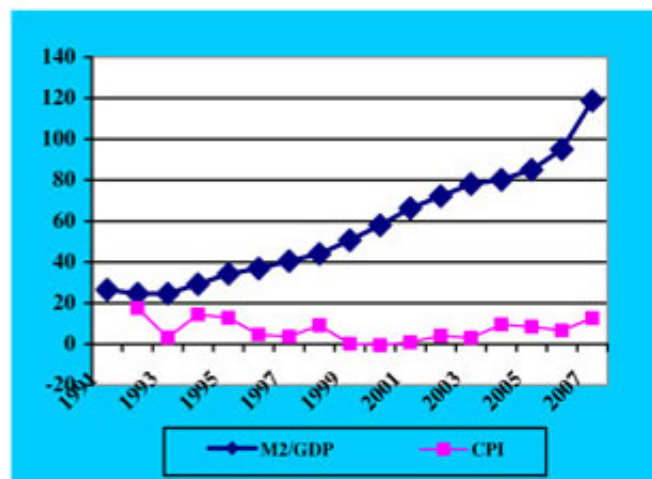
Trong những năm qua hệ thống ngân hàng nước ta đã có bước phát triển vượt bậc, nước ta có 5 NHTM quốc doanh, 40 NHTM cổ phần, 33 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 6 ngân hàng liên doanh, 6 công ty tài chính và 10 công ty cho thuê tài chính, 926 tổ chức tín dụng (TCTD) nhân dân và 46 văn phòng đại diện của các ngân hàng nước ngoài.

Hệ thống ngân hàng đã huy động và cung cấp một lượng vốn khá lớn cho nền kinh tế, ước tính hàng năm chiếm khoảng 16-18% GDP, gần 50% vốn đầu tư toàn xã hội. Tăng trưởng tín dụng liên tục tăng trong các năm và năm 2006 tăng khoảng 24% cao hơn mức 19% năm 2005, năm 2007 tăng so với năm 2006 là 53,88% và 11 tháng năm 2008 so với năm 2007 ước khoảng 20%. Hệ thống ngân hàng cũng có nhiều đóng góp cho tăng trưởng, phát triển và ổn định nền kinh tế trong những năm qua. Với hệ thống NHTM rộng khắp cả nước, với số lượng lao động đông đảo khoảng trăm ngàn cán bộ, nhân viên với nhiều loại hình dịch vụ, có thể nói hệ thống ngân hàng đã lớn mạnh cả về số lượng lẫn chất lượng.

Sự phát triển của hệ thống ngân hàng nói trên gắn liền với việc đổi mới CSTT ở nước ta trong thời gian qua: đi từ CSTT trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng chủ nghĩa xã hội. Với định hướng đổi mới đó, CSTT ở nước ta đã ngày một tự do hóa và thị trường ngày một đầy đủ hơn.

Trong những năm qua, điểm đầu tiên có thể nói đến đó là hệ thống ngân hàng đã có cuộc đổi mới toàn diện. Nhiều văn bản pháp luật đã được ban hành như: Luật Ngân hàng Nhà nước (NHNN), Luật các (TCTD), Pháp lệnh quản lý ngoại hối và nhiều văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành và hoàn chỉnh. Cơ chế chính sách về hoạt động ngân hàng đã ngày một hoàn chỉnh và phù hợp với thông lệ quốc tế. Khuôn khổ thể chế ngày một thông thoáng và minh bạch hơn. Những phân biệt đối xử giữa các loại hình TCTD, TCTD trong nước và TCTD nước ngoài đã từng bước được loại bỏ. Chức năng cho vay tín dụng chính sách và cho vay tín dụng thương mại đã được tách bạch. Các NHTM, các TCTD đã được tự chủ và tự chịu trách nhiệm khá đầy đủ. Tính cạnh tranh của các TCTD được nâng cao. Thị trường dịch vụ ngân hàng được phát triển an toàn và hiệu quả.

Đồ thị 1: HỆ SỐ TIỀN TỆ HÓA (M2/GDP) CỦA NỀN KINH TẾ NƯỚC TA



Một minh chứng có thể nói rằng CSTT của chúng ta đã đổi mới khá nhanh đã tạo điều kiện thuận lợi cho các NHTW phát triển như yếu tố tiền tệ hóa nền kinh tế. Nếu như trước đây nền kinh tế nước ta còn chứa đựng các yếu tố trao đổi hiện vật thì hệ số tiền tệ hóa ở mức thấp (M2/GDP chỉ ở mức 20-25%) thì nay hệ số này đã lớn lên vượt bậc, ở mức 118,7% năm 2007. Điều này cho thấy nền kinh tế nước ta đã phát triển khá đầy đủ các yếu tố thị trường, tức là tiền tệ hóa

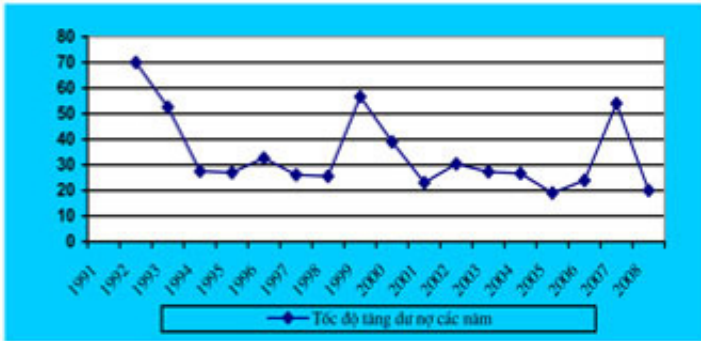
khá cao, nền kinh tế nước ta đã mở cửa khá mạnh ra với thế giới, đặc biệt lĩnh vực tiền tệ thì tốc độ tự do hóa này là khá nhanh. Một số nước có nền kinh tế phát triển hơn nước ta cũng chỉ có tổng phương tiện thanh toán (M2) xoay quanh GDP, tức là hệ số tiền tệ hóa chỉ ở mức khoảng 110-130%, thậm chí có nước hệ số này ở mức thấp hơn như Singapore (113% năm 2005 và 125% năm 2006), Hàn Quốc (126% năm 2005 và 135,5% năm 2006), Thái Lan (90,7% năm 2005 và 87,3% năm 2006), Malaysia (năm 2005: 118,6%, năm 2006: 125,4%), Indonesia (43,2% năm 2005 và 41,4% năm 2006), trong khi của ta ở mức 118,7%.

Cùng với nới lỏng CSTT, việc điều hành các NHTM theo nguyên tắc thị trường và phù hợp với thông lệ quốc tế. Các công cụ gián tiếp điều hành CSTT đã được hình thành và phát triển. Chính sách lãi suất và tỷ giá hối đoái đã được áp dụng linh hoạt theo cơ chế thị trường. Trong giai đoạn 2001-2008, chính sách lãi suất đã từng bước được đổi mới phù hợp với cơ chế thị trường. Bước đầu lãi suất USD đã được tự do hóa (6/2001), sau đó đến lãi suất đồng Việt Nam được tự do hóa (6/2002). Điều hành chính sách lãi suất đã có tác dụng trực tiếp đến hoạt động của các NHTM như khi lãi suất cơ bản thấp hoạt động huy động vốn và tín dụng của các NHTM tăng cao, nhưng đến năm 2008, khi tình hình lạm phát cao các NHTM phải tăng lãi suất để huy động vốn và tăng lãi suất cho vay thì hoạt động của các ngân hàng này cũng biến chuyển theo. Ví dụ: việc NHNN tái cấp vốn với lãi suất 0,9%/tháng cho các NHTM thiếu vốn cho vay thực tế là làm cho tiền trong lưu thông tăng lên và vòng tiếp theo là lạm phát tăng cao. Hành động này cũng khuyến khích các NHTM cứ cho vay ra với lãi suất cao mà không có điểm dừng, hậu quả lạm phát cao và mất ổn định hệ thống ngân hàng trong một thời gian.

Điểm dễ nhìn thấy là trong thời điểm hiện nay khi mà tình hình giá cả có phần dịu xuống thì chính sách lãi suất của NHNN đã điều chỉnh xuống đã đưa không khí hoạt động của các NHTM đổi thay, khả năng cho vay tín dụng tăng lên.

Với chính sách mở rộng tín dụng và đa dạng hóa dịch vụ ngân hàng nhiều TCTD đã thu được nhưng nguồn lợi nhuận sau thuế lớn. Bên cạnh những đổi mới nêu trên là CSTT nới lỏng đã tạo điều kiện cho các NHTM đẩy mạnh hoạt động tín dụng mà kết quả cụ thể là tốc độ tăng dư nợ tín dụng hàng năm trên 24-25%, thể hiện ở đồ thị 2.

Đồ thị 2. TỐC ĐỘ TĂNG DỰ NỢ TÍN DỤNG QUA CÁC NĂM



Ghi chú: Báo cáo thường niên NHNN và các báo cáo khác

Việc phát hành một lượng tiền lớn để mua (9 tỷ USD) ngoại tệ năm 2007 hoặc chính sách tỷ giá nổi lỏng biên độ trong thời gian qua đã có nhiều tác động trực tiếp đến các ngân hàng trong lĩnh vực kinh doanh ngoại tệ và các hoạt động dịch vụ liên quan đến ngoại tệ.

Bên cạnh đó phải kể đến chính sách cơ cấu lại tài chính của hệ thống ngân hàng, tăng vốn điều lệ cho các NHTM Nhà nước, xử lý nợ xấu (việc quyết định cho phép trích một tỷ lệ thích hợp từ lợi nhuận trước thuế cho quỹ dự phòng rủi ro đã giúp các ngân hàng có điều kiện xử lý nợ xấu được tốt hơn. Ví dụ với mức nợ xấu khoảng 35 ngàn tỷ hiện nay, các ngân hàng đã trích được 22 ngàn tỷ từ quỹ dự phòng rủi ro để xử lý), đào tạo cán bộ và nâng cấp hệ thống trên cơ sở công nghệ hiện đại, nối mạng và thanh toán điện tử... Chính phủ đã có nhiều giải pháp nhằm hạn chế tốc độ gia tăng của số nợ không có khả năng hoàn trả đi đôi với quá trình lành mạnh hóa hoạt động của hệ thống ngân hàng (thông qua việc kiểm soát chất lượng tín dụng, trích lập dự phòng rủi ro). Việc xử lý nợ xấu đã có những kết quả đáng khích lệ, tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ đã giảm từ gần 20% trong những năm 90 xuống còn khoảng 2,1% hiện nay. (Giai đoạn 2000-2004, nhà nước đã xử lý trên 20 ngàn tỷ đồng nợ xấu). Về cơ bản tình hình tài chính của các NHTM đều lành mạnh, khả năng thanh toán và chất lượng tín dụng được nâng cao.

Ngoài ra còn rất nhiều chính sách tiền tệ chưa nêu được hết trong bài này như vừa qua NHNN yêu cầu các NHTM mua tín phiếu ngân hàng 20.300 tỷ đã một phần làm hạn chế nguồn vốn của các NHTM trong hoạt động đẩy mạnh tín dụng. Khi NHNN trả lãi suất cho khoản tín phiếu này đã giảm bớt khó khăn cho các NHTM. Hay vấn đề thay đổi tỷ lệ dự trữ bắt buộc từ 8 lên 10% cũng đã tác

động trực tiếp đến các NHTM, cũng như việc trả lãi suất cho các khoản dự trữ này. Đến nay mức dự trữ bắt buộc đã được giảm xuống đã tạo điều kiện cho các NHTM có điều kiện tăng dư nợ tín dụng lên.

Một số kiến nghị và đề xuất

Trên cơ sở nêu tóm lược vai trò của CSTT đối với hoạt động của các NHTM như nêu ở trên, chúng tôi đề xuất một số ý như sau;

- **Hài hòa hóa các CSTT:** chính sách lãi suất từng bước điều hành theo tín hiệu thị trường, giảm dần theo sự giảm xuống của chỉ số giá; chính sách tỷ giá giữ mức ổn định có lợi cho người sản xuất và kinh doanh xuất khẩu; CSTT ổn định ở mức tổng phương tiện thanh toán tăng ở mức 20-22%, dự nợ tín dụng tăng khoảng 23-25%. Bên cạnh đó là hoàn thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng truyền thống; chủ động mở rộng các nghiệp vụ ngân hàng mới trên nền tảng công nghệ hiện đại, phù hợp với nhu cầu thị trường, năng lực quản lý của TCTD và quy định của pháp luật.

- **Tiếp tục rà soát, bổ sung, chỉnh sửa hệ thống quy chế, quy trình nội bộ** như các yêu cầu tối thiểu về vốn, quản lý rủi ro, xây dựng sổ tay tín dụng, quy trình đánh giá xếp hạng khách hàng vay, tổ chức theo dõi và thực hiện việc đánh giá chất lượng tín dụng và các khoản nợ xấu; đề cao vai trò trách nhiệm và tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động kinh doanh của TCTD

- **Từ TCTD cần chủ động coi trọng dịch vụ huy động vốn, tăng cường nguồn vốn trung và dài hạn** nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn cho các hoạt động kinh doanh; gắn tăng trưởng tín dụng với việc đảm bảo hiệu quả vốn vay. Tiếp tục đẩy mạnh việc xử lý nợ xấu theo hướng giảm nợ xấu đi đôi với việc xây dựng cơ chế kiểm soát, giám sát chất lượng tín dụng. Từng bước thực hiện việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo thông lệ quốc tế.

- **Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách** liên quan đến hoạt động của TCTD, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng cho hoạt động của TCTD; hoàn thiện các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng, ban hành quy định về tiêu chuẩn và yêu cầu tối thiểu về hệ thống quản lý rủi ro tại TCTD (kiểm tra, kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý tài sản có và hệ thống quản lý rủi ro tín dụng,...)

- **Sửa đổi, bổ sung hệ thống kế toán** ngân hàng cùng với các quy định về phân loại nợ, xử lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng phù hợp với chuẩn mực quốc tế, bảo đảm việc đánh

Xuất khẩu của Việt Nam trước tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu

THS. TRƯƠNG TIẾN SĨ

Xuất khẩu là một trong những lĩnh vực then chốt góp phần quan trọng vào tăng trưởng và phát triển kinh tế. Thực tiễn sinh động từ thành công của các nước Đông Á với chính sách công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu trong những thập niên qua là một minh chứng thuyết phục cho vai trò của xuất khẩu như là một động lực của tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Trong nhiều năm qua, Việt Nam cũng đã xem xuất khẩu như là một khâu đột phá nhằm thực hiện công

cuộc đổi mới đất nước. Hoạt động xuất khẩu được xem như động lực để khuyến khích kêu gọi đầu tư trong và ngoài nước, mở rộng sản xuất, xác định lợi thế cạnh tranh quốc gia, tăng thêm công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân; từng bước nâng cấp cơ sở hạ tầng; đồng thời là lĩnh vực mang lại nguồn ngoại tệ chủ yếu nhằm cân bằng cán cân thanh toán của quốc gia. Khủng hoảng kinh tế toàn cầu đang có những tác động tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu của nước ta.

Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đang đặt ra nhiều thách thức cho hoạt động xuất khẩu của Việt Nam tại thời điểm hiện nay cũng như trong những thời gian tới. Bài viết đưa ra một số phân tích làm rõ tác động của nó, nguyên nhân cũng như nêu lên một số giải pháp kiến nghị nhằm duy trì tăng trưởng xuất khẩu, vượt qua khó khăn.

Tổng quan xuất khẩu của Việt Nam trong những năm gần đây

Về giá trị và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu

☞ giá đúng chất lượng hoạt động và thực trạng nợ xấu của các TCTD.

- Ban hành các quy định về kiểm soát rủi ro hệ thống, giám sát rủi ro trong hoạt động ngân hàng, có khả năng cảnh báo sớm đối với các TCTD, đặc biệt đối với thị trường ngoại hối và hệ thống thanh toán quốc gia.

- Củng cố hệ thống thanh tra, kiểm tra của NHNN; bảo đảm để mọi tổ chức, cá nhân tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tín dụng; đồng thời có biện pháp cụ thể kiểm soát tăng trưởng tài sản có rủi ro của các NHTM, ngăn chặn xu hướng gia tăng nợ xấu. Thực hiện kiểm toán các NHTM theo chuẩn mực quốc tế.

- Sửa đổi, bổ sung hệ thống kế toán ngân hàng cùng với các quy định về phân loại nợ, xử lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng phù hợp với chuẩn mực quốc tế, bảo đảm việc đánh giá đúng chất lượng hoạt động và thực trạng nợ xấu của các TCTD. Đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại hệ thống ngân hàng; Rà soát kỹ và

chặt chẽ việc cho vay tín dụng đối với chứng khoán và cho vay kinh doanh bất động sản.

- Bên cạnh cải cách căn bản và đổi mới triệt để các NHTM theo hướng phát triển toàn diện, đa năng, hiện đại và đáp ứng các chuẩn mực và đòi hỏi theo thông lệ quốc tế, bảo đảm từng bước đưa các NHTM phát triển ngang tầm với các NHTM ở các nước trong khu vực và thế giới, thì nâng cao kiểm tra và giám sát các hoạt động của các tổ chức này.

- Đẩy mạnh thị trường dịch vụ ngân hàng, bảo đảm dịch vụ ngân hàng ngày một phong phú, đa dạng với chất lượng phục vụ cao.

Kết luận

Hoạch định các CSTT đòi hỏi luôn đặt trong mối tương quan gắn kết với hoạt động của các NHTM. Những CSTT tốt sẽ giúp các NHTM làm ăn có lãi nếu chính sách bất cập các ngân hàng này sẽ gặp khó khăn. Do vậy trong quá trình hoạch định CSTT cần thận trọng và có bước đi thích hợp, nhịp nhàng không gây sốc■